

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 17-6-2019
V/v Chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc Chia tài sản sau khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 284/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hà Thị Ngọc S**; cư trú tại: Ấp ST, xã ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai, (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trịnh Ngọc A**; cư trú tại: Thôn HQ, xã PL, huyện TP, tỉnh Bình Định

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thu H; cư trú tại: Thôn HQ, xã PL, huyện TP, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018), (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị Thu H**; cư trú tại: Thôn HQ, xã PL, huyện TP, tỉnh Bình Định (có mặt).

2. Anh **Trịnh Đặng Hồng A**; cư trú tại: Thôn I, xã EL, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Bà **Trịnh Thị Mỹ H**; cư trú tại: Thị trấn BR, huyện KR, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4. Chị **Trịnh Hà Thị Diễm M**

5. Chị **Trịnh Thị P**

Người đại diện hợp pháp của chị M, chị P: Bà **Hà Thị Ngọc S** là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018); cùng cư trú tại: Ấp ST, xã ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

6. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện TP; Trụ sở: II NH, TT.TP, huyện TP, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện TP: Ông Trần Kỳ Q – Phó chủ tịch UBND huyện TP là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16.5.2018), (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

7. Ban quản lý Giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất TBD (BQLGPMB); Trụ sở: III NTN, Tp.QN, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của BQL: Bà **Trịnh Thị Hồng C** – Chuyên viên BQL là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17.5.2019), (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông **Trịnh Ngọc A** là bị đơn, bà **Lê Thị Thu H** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2014, tại các bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Ngọc S đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Hà Thị Diễm M, chị Trịnh Thị P trình bày:

Bà và ông **Trịnh Ngọc A** đăng ký kết hôn năm 1988 và có hai con chung là **Trịnh Thị P** và **Trịnh Hà Thị Diễm M**. Năm 1993 Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất ruộng cho 07 nhân khẩu trong gia đình bà gồm: bà, cụ **Trịnh D** (cha ông A), ông **Trịnh Ngọc A**, chị **Trịnh Thị Mỹ H** (em ruột ông A), anh **Trịnh Đặng Hồng A** (con riêng ông A), chị **Trịnh Thị P** và chị **Trịnh Hà Thị Diễm M**. Ngày 28 tháng 6 năm 1997 Ủy ban nhân dân huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 03 thửa đất cho hộ ông A, cụ thể: Thửa 234 tờ bản đồ số 4 diện tích 956m² loại đất lúa; Thửa 385 tờ bản đồ số 4 diện tích 1.603m² loại đất lúa; Thửa 185A tờ bản đồ số 8 diện tích 700m² loại đất trồng cây hàng năm khác.

Do vợ chồng chung sống không hòa thuận nên bà dẫn hai con là P, M vào Đồng Nai sinh sống và cắt khẩu năm 2004. Năm 2011 bà và ông A ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 30/2011/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện TP nhưng không giải quyết tài sản chung.

Thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn qua xã PL, huyện TP, tỉnh Bình Định) đất cấp cho hộ ông A bị thu hồi toàn bộ và được bồi thường, hỗ trợ cụ thể: thửa 385 số tiền 240.209.280đ, thửa 185A số tiền 82.880.310đ.

Trước đây bà yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 240.209.280đ bồi thường, hỗ trợ thửa đất 385. Còn thửa 185A, theo bản án phúc thẩm số 20/2015/HNGĐ-PT ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, bà và các con Trịnh Thị P, Trịnh Hà Thị Diễm M đã được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP chi trả số tiền 28.359.384đ.

Tuy nhiên, Quyết định Giám đốc thẩm số 02/2017/HNGĐ-GĐT, ngày 14/01/2018 của Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng hủy toàn bộ bản án phúc thẩm số 20/2015/HNGĐ-PT ngày 29/9/2015 của TAND tỉnh Bình Định và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 136/2013/DS-ST ngày 25/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện TP. Và thửa 185A được bồi thường, hỗ trợ số tiền 82.880.310đ. Do đó, bà yêu cầu chia tài sản chung là khoản bồi thường, hỗ trợ thửa 385 số tiền 240.209.280đ (trong đó: bồi thường về đất 77.155.200đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 154.310.400đ, hỗ trợ ổn định đời sống 3.600.000đ, bồi thường hoa màu 5.143.680đ); thửa 185A số tiền 82.880.310đ (trong đó: bồi thường về đất 25.792.200đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 51.584.400đ, hỗ trợ ổn định đời sống 3.600.000đ, bồi thường hoa màu 1.903.710đ). Tổng cộng: 323.089.590đ.

Thửa 234 không bị thu hồi, bà không yêu cầu;

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trịnh Ngọc A trình bày:

Bà S và ông A có hai con chung là Trịnh Thị P và Trịnh Hà Thị Diễm M. Năm 1993 bà S dẫn hai con vào miền nam sinh sống. Bà và ông A sống chung với nhau từ năm 1997. Năm 2011 bà S và ông A ly hôn. Năm 2012 bà và ông A đăng ký kết hôn.

Bà S không trực tiếp canh tác trên đất nên ngày 21 tháng 10 năm 2011 UBND huyện TP cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà và ông Trịnh Ngọc A, bao gồm 3 thửa: thửa số 249 (thửa 234 cũ) diện tích 930,8m² loại đất chuyên trồng lúa nước, thửa 319 (thửa 385 cũ) tờ bản đồ số 05 diện tích 1607,4m² loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa 651 (thửa 185A cũ) tờ bản đồ số 5 diện tích 614,1m² loại đất trồng cây hàng năm khác; Đất đã được cấp cho bà và ông A nên khoản tiền bồi thường thuộc sở hữu của bà và ông A. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trịnh Thị Mỹ H, anh Trịnh Đăng Hồng A trình bày:

Năm 1993 Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng 03 thửa đất, thửa 234, thửa 385, thửa 185A cho 07 nhân khẩu trong gia đình như bà S trình bày. Nhà nước thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ thửa đất 385, 185A. Bà H, anh A yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận phần được chia.

Ông Trần Kỳ Q đại diện theo ủy quyền của UBND huyện TP trình bày:

Nguyên các thửa đất của ông Trịnh Ngọc A sử dụng được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất năm 1993. Thời điểm chốt nhân khẩu cân đối giao quyền tháng 12/1992, hộ ông Trịnh Ngọc A bà Hà Thị Ngọc S có 07 nhân khẩu như bà S trình bày. Theo Đề án của UBND xã Phước Lộc lập ngày 30/01/1993 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại Quyết định số 1387/QĐ-UB ngày 20/4/1993 của UBND tỉnh Bình Định thì diện tích bình quân cân đối giao quyền của xã Phước Lộc là $440\text{m}^2/\text{nhan\ khẩu}$. Trên cơ sở đó hộ ông Trịnh Ngọc A được UBND huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I807209, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận 01896QSDĐ/K9 ký ngày 28/6/1997 các thửa: Thửa số 234, tờ bản đồ số 4, diện tích 956m^2 (đất lúa hạng 2); thửa 385, tờ bản đồ số 4 diện tích 1603m^2 (đất lúa hạng 2); thửa 185A, tờ bản đồ số 8 diện tích 700m^2 (đất màu hạng 4); thửa 787 tờ bản đồ số 7 diện tích 285m^2 (đất vườn hạng 5). Tổng diện tích cân đối giao quyền cho hộ ông Trịnh Ngọc A theo qui chuẩn là $3139,8\text{m}^2/7$ nhân khẩu.

Hộ ông A sử dụng ổn định đến năm 2011, ông A và bà S thuận tình ly hôn theo Quyết định số 30/2011/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân huyện TP, nhưng không chia tài sản chung. Năm 2012 ông A, bà H đăng ký kết hôn nhưng thực tế ông bà đã sống chung từ nhiều năm trước.

Thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án Vlap, bà H kê khai và được UBND huyện TP cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI295027, BI 295028, BI295029 ngày 21/10/2011 cho ông Trịnh Ngọc A và bà Lê Thị Thu H như bà H trình bày. Tuy nhiên, bà S khởi kiện yêu cầu hủy các giấy chứng nhận cấp đổi cho ông A, bà H. Qua kiểm tra và nhận thấy quy trình cấp đổi có sai sót nên ngày 09/02/2015 UBND huyện TP đã ban hành Quyết định số 479/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng và Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI295027, BI295028, BI295029 ngày 21/10/2011 cấp cho ông Trịnh Ngọc A và bà Lê Thị Thu H.

UBND huyện TP yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Trịnh Thị Hồng C là đại diện theo ủy quyền của Ban quản lý Giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất TBĐ trình bày:

Theo hồ sơ giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường Quốc lộ 19, đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A: Hộ ông Trịnh Ngọc A, vợ Lê Thị Thu H có đất bị thu hồi thửa số 319, tờ bản đồ số 5 với diện tích 1607,4m² và thửa số 561, tờ bản đồ số 5 với diện tích 614,1m² và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ số tiền:

Thửa đất số 319 (thửa 385) được bồi thường 240.209.280đ bao gồm các khoản: bồi thường về đất 77.155.200đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 154.310.400đ, hỗ trợ ổn định đời sống 3.600.000đ, bồi thường hoa màu 5.143.680đ.

Thửa đất số 561 (thửa 185A) được bồi thường 82.880.310đ bao gồm các khoản: bồi thường về đất 25.792.200đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 51.584.400đ, hỗ trợ ổn định đời sống 3.600.000đ, bồi thường hoa màu 1.903.710đ.

Các khoản bồi thường được phê duyệt cho ông A, bà H là đối tượng đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TP cấp đồng thời là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, tại thời điểm kiểm kê, lập P án bồi thường chỉ có 02 người này.

Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 20/2015/HNGĐ-PT ngày 29/9/2015 có hiệu lực pháp luật:

- Đối với số tiền bồi thường 240.209.280đ của thửa đất số 319: BQLGPMB đã tiến hành chi trả cho bà Hà Thị Ngọc S, bà Trịnh Thị Mỹ H, anh Trịnh Đăng Hồng A, chị Trịnh Thị P và chị Trịnh Hà Thị Diễm M 34.315.611đ/người.

Còn lại 68.631.225đ là khoản tiền của ông Trịnh Ngọc A và cụ Trịnh D, chưa nhận và ông A tiếp tục gửi đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án nói trên.

- Đối với số tiền bồi thường 82.880.310đ của thửa đất số 561: BQLGPMB đã chuyển giao số tiền 29.554.384đ cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP để chi các khoản sau:

- + Bà S, chị P, chị M mỗi người nhận 9.453.128đ. Tổng cộng 28.359.384đ.
- + Chi phí định giá, thông báo cưỡng chế tổng số tiền 1.195.000đ.
- + Còn lại 53.325.926đ của ông A, bà H và anh A.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 284/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện TP quyết định:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Ngọc S .

Chia tài sản chung về số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 240.209.280 đồng đối với thửa đất 385 (thời điểm đền bù là 319) tờ bản đồ số 4, diện tích 1.603m² , tọa lạc tại xã PL, huyện TP, Bình Định như sau:

Phần bà Hà Thị Ngọc S, chị Trịnh Thị P và chị Trịnh Hà Thị Diễm M mỗi người được nhận là 33.066.514đ (đã nhận trước 34.315.611 đồng)

Phần chị Trịnh Thị Mỹ H , anh Trịnh Đăng Hồng A mỗi người được nhận là 33.066.514đ (đã nhận trước 34.315.611 đồng)

Buộc bà Hà Thị Ngọc S, chị Trịnh Thị P và chị Trịnh Hà Thị Diễm M, chị H, anh A mỗi người có nghĩa vụ giao lại cho ông A bà H số tiền: 1.249.097 đồng .

Phần vợ chồng Lê Thị Thu H và ông Trịnh Ngọc A được nhận là 41.810.194đ.

Phần ông Trịnh D được nhận là 33.066.514đ (tạm giao phần của cụ Trịnh D cho ông A quản lý) .

Ban quản lý Giải phóng mặt bằng và phát triển quỹ đất TBD có trách nhiệm chi trả số tiền còn lưu giữ cho ông A và bà H, ông D nêu trên.

2. Bác yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Hà Thị Thu S khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung giữa bà và ông A đối với số tiền đền bù 82.880.310 đồng của thửa 185A.

3. Bác yêu cầu của ông Trịnh Ngọc A và bà Lê Thị Thu H về việc không chấp nhận chia tài sản chung theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 19 tháng 10 năm 2019, bị đơn ông Trịnh Ngọc A kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không đồng ý chia cho 07 nhân khẩu số tiền bồi thường về đất 77.155.200đ và số tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm 1454.210.400đ.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà H, sửa bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông A, bà H không chấp nhận chia số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi thửa đất số 319 (385), số 651(185A) cho cụ Trịnh D, bà Hà Thị Ngọc S, chị Trịnh Thị Mỹ H, anh Trịnh Đăng Hồng A, chị Trịnh Thị P và chị Trịnh Hà Thị Diễm M là không có cơ sở, bởi lẽ:

[1.1]. Về tài sản là thửa đất số 234 diện tích 956m²; thửa đất số 385 diện tích 1603m²; thửa đất số 185A diện tích 700m².

Ngày 28 tháng 6 năm 1997 hộ ông Trịnh Ngọc A được UBND huyện TP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số I807209, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01896QSDĐ/K9 thửa đất số 234, 385 và 185A. Các thửa đất này được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất cho 07 nhân khẩu gồm: ông A, bà S, cụ D, chị H, anh A, chị P và chị M.

Thực hiện cấp đổi GCNQSDĐ theo Dự án Vlap, ngày 21 tháng 10 năm 2011 UBND huyện TP ký cấp đổi GCNQSDĐ số BI295027, BI 295028, BI295029 thửa đất 234, 385 và 185A cho ông A bà H. Tuy nhiên, quy trình cấp đổi có sai sót nên UBND huyện TP đã ban hành Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2015 thu hồi GCNQSDĐ và Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2015 hủy GCNQSDĐ số BI295027, BI295028, BI295029 đã cấp cho ông A bà H.

Như vậy, các thửa đất số 234, 385 và 185A là tài sản chung của cụ D, ông A, bà S, chị H, anh A, chị P và chị M.

[1.2]. Chia tài sản chung.

[1.2.1]. Thửa đất số 234 và thửa đất số 185A.

Theo Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 20/2015/HNGĐ-PT ngày 29/9/2015, ông A được quản lý, sử dụng thửa đất số 234, 185A và thanh toán lại cho bà S, chị P, chị M, chị H, anh A mỗi người 9.453.128đ. Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP đã chi bà S, chị P, chị M mỗi người 9.435.128đ. Hơn nữa, Quyết định giám đốc thẩm số 02/2017/HNGĐ-GĐT ngày 04/01/2018 của TANDCC tại Đà Nẵng chỉ hủy bản án 20/2015/HNGĐ-PT ngày 29/9/2015 và bản án số 136/2015/HNGĐ-ST ngày 25/6/2015 về số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 385. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết lại số tiền đền bù thửa đất 185A.

[1.2.2]. Thửa đất số 385 được bồi thường 240.209.280đ bao gồm các khoản: bồi thường về đất 77.155.200đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm 154.310.400đ, hỗ trợ ổn định đời sống 3.600.000đ, bồi thường hoa màu 5.143.680đ.

- Đối với số tiền 77.155.200đ bồi thường về đất:

Như phân tích tại [1.1] thửa đất số 385 là tài sản chung của cụ D, ông A, bà S, chị H, anh A, chị P và chị M. Do đó, khi xét xử lại cấp sơ thẩm xác định giá trị quyền sử dụng thửa đất số 385 được bồi thường 77.155.200đ thuộc ông A, bà S, cụ D, anh A, chị H, chị P và chị M là đúng quy định tại khoản 6 Điều 4, Điều 9 Luật Đất đai năm 2003.

- Đối với số tiền 154.310.400đ hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm:

Theo Bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất đai, hoa màu ngày 24/9/2014 của BQLGPMB TBĐ, khoản tiền này được tính theo diện tích đất bị thu hồi. Căn cứ Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20.12.2012 của UBND tỉnh Bình Định, khoản 7 Điều 4, khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003 khoản tiền này nhằm giúp đỡ người bị thu hồi đất và hỗ trợ cho người bị thu hồi đất có GCNQSDĐ. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 154.310.400đ thuộc cụ D, ông A, bà S, chị H, anh A, chị P và chị M là đúng qui định của pháp luật.

[1.3]. Từ phân tích của [1.1] và [1.2], Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà H.

[2] Số tiền hỗ trợ, bồi thường được chi trả như sau:

[2.1] Thửa đất số 319 (385) được bồi thường, hỗ trợ 240.209.280đ:

- Ông A, bà S, cụ D, anh A, bà H, chị P và chị M được chia 33.066.514đ/người ($77.155.200đ + 154.310.400đ = 231.465.600/7$). BQLGPMB đã chi cho bà S, anh A, bà H, chị P, chị M 34.315.611đ. Do đó, Bà S, anh A, bà H, chị P, chị M mỗi người phải thanh toán lại cho cụ D 1.249.097đ.

- Ông A, bà H được chia 4.371.840đ/người ($3.600.000đ + 5.143.680đ = 8.743.680/2$).

[2.2] BQLGPMB có nghĩa vụ chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ thửa đất số 561 hiện còn 53.325.926đ như sau: Chi cho anh A, chị H mỗi người 9.453.128đ; ông A 34.419.670đ.

[2.3]. Từ [2.1] và [2.2] BQLGPMB có nghĩa vụ chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ như sau:

- Anh Trịnh Đăng Hồng A số tiền 8.204.031đ ($9.453.128đ - 1.249.097đ$)
- Bà Trịnh Thị Mỹ H số tiền 8.204.031đ ($9.435.128đ - 1.249.097đ$)
- Bà Lê Thị Thu H số tiền 4.371.840đ.
- Ông Trịnh Ngọc A số tiền 71.858.024đ ($4.371.840đ + 33.066.514đ + 34.419.670đ$)
- Cụ Trịnh D số tiền 29.319.223đ ($33.066.514đ - (1.249.097đ \times 3)$).

[2.4]. Cụ D đã chết, tạm giao ông A nhận thay cụ D các khoản sau:

- BQLGPMB chi trả số tiền 29.319.223đ.

- Bà S, chị P, chị M mỗi người hoàn trả 1.249.097đ.

[3] Án phí:

[3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trịnh Đăng Hồng A, bà Trịnh Thị Mỹ H, chị Trịnh Thị P, chị Trịnh Hà Thị Diễm M mỗi người phải chịu 2.126.000đ $((33.066.514đ + 9.453.128đ) * 5\%)$ theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Cấp sơ thẩm buộc anh A, bà H, chị P, chị M mỗi người phải chịu 1.653.325đ $(33.066.514đ * 5\%)$ là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

- Cụ Trịnh D phải chịu 1.653.000đ, do ông A nộp thay.

- Bà Hà Thị Ngọc S thuộc người cao tuổi. Ông Trịnh Ngọc A, bà Lê Thị Thu H thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Do đó, bà S, ông A, bà H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV. Cấp sơ thẩm buộc bà S chịu án phí là chưa chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm.

[3.2]. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trịnh Ngọc A, bà Lê Thị Thu H thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Do đó, ông A, bà H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

[4] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông A, bà H, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 6, 7 Điều 4, Điều 9, khoản 1 Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Ban quản lý Giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất TBĐ có nghĩa vụ chi trả cho:

Anh Trịnh Đăng Hồng A 8.204.031đ (Tám triệu hai trăm linh bốn nghìn không trăm ba mươi một đồng).

Bà Trịnh Thị Mỹ H 8.204.031đ (Tám triệu hai trăm linh bốn nghìn không trăm ba mươi một đồng).

Bà Lê Thị Thu H 4.371.840đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi một nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Ông Trịnh Ngọc A 71.858.024đ (Bảy mươi một triệu tám trăm năm mươi tám nghìn không trăm hai mươi bốn đồng)

Cụ Trịnh D, tạm giao ông Trịnh Ngọc A nhận thay 29.319.223đ (Hai mươi chín triệu ba trăm mười chín nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

2. Bà Hà Thị Ngọc S, chị Trịnh Thị P và chị Trịnh Hà Thị Diễm M mỗi người hoàn trả cho cụ Trịnh D, tạm giao ông Trịnh Ngọc A nhận thay 1.249.097đ/người.

3. Bác kháng cáo của ông Trịnh Ngọc A và bà Lê Thị Thu H về việc không chấp nhận chia tài sản chung.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trịnh Đăng Hồng A, bà Trịnh Thị Mỹ H, chị Trịnh Thị P, chị Trịnh Hà Thị Diễm M mỗi người phải chịu 2.126.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Cụ Trịnh D phải chịu 1.653.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng), do ông Trịnh Ngọc A nộp thay.

- Bà Hà Thị Ngọc S được hoàn lại 3.014.000đ (Ba triệu không trăm mười bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 05658 ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trịnh Ngọc A, bà Lê Thị Thu H mỗi người được hoàn lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 08862 ngày 23.7. 2015, số 08867 ngày 27.7.2015, số 0002616 ngày 15.10.2018, số 0002688 ngày 13.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện TP;
- CCTHA dân sự huyện TP;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thu